

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÓM BẠN ĐỒNG LÚA VÀ BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nguyễn Hữu An, Nguyễn Đăng Minh Nhật, Trần Lê Khánh Nhi,
Nguyễn Thị Ngọc Oanh*, Phan Thị Hồng Phúc, Phạm Thị Thuý Sương,
Hồ Thị Mỹ Uyên, Hoàng Phan Tuyết Nhi

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

* Email: ngocoanh.nguyenn04@gmail.com

Ngày nhận bài: 19/8/2024; ngày hoàn thành phản biện: 26/8/2024; ngày duyệt đăng: 4/9/2024

TÓM TẮT

Thông qua lý thuyết xã hội hóa, nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của môi trường nhóm bạn đồng lứa đến hành vi bạo lực học đường của học sinh trung học cơ sở (THCS). Dữ liệu được thu thập từ khảo sát 499 học sinh tại ba trường THCS ở thành phố Huế và được phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định phương sai một chiều, phân tích nhân tố, và mô hình hồi quy tuyến tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh có xu hướng thực hiện hành vi bạo lực nhiều hơn hành vi bắt nạt, với sự khác biệt đáng kể giữa các trường. Ngoài ra, học sinh tham gia nhóm bạn có xu hướng thiên về hành vi rủi ro có nguy cơ thực hiện bạo lực và bắt nạt, trong khi việc tham gia nhóm bạn có hoạt động lành mạnh làm giúp giảm thiểu hành vi bạo lực.

Từ khóa: Bạo lực học đường, hành vi bạo lực, hành vi bắt nạt, xã hội hóa, nhóm bạn đồng lứa.

1. MỞ ĐẦU

Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của nhóm bạn đồng lứa đến bạo lực học đường (BLHĐ) ở học sinh THCS. BLHĐ là vấn đề toàn cầu, với khoảng 32% học sinh từng trải qua bạo lực tại trường [7]. Bạo lực thể chất và tinh thần là hai hình thức chính, trong đó bạo lực thể chất đang có xu hướng giảm, còn bạo lực tinh thần, đặc biệt là bắt nạt trực tuyến, gia tăng ở gần một nửa số quốc gia trên thế giới [8]. Tại Việt Nam, BLHĐ xảy ra dưới nhiều hình thức, cả trực tiếp tại trường và trên nền tảng trực tuyến [6], với hành vi bắt nạt chủ yếu là tấn công bằng lời nói, thụ động hoặc phá hoại tài sản [3].

Bên cạnh việc phân loại các hình thức BLHĐ, các nghiên cứu cũng tập trung tìm hiểu các yếu tố liên quan đến hành vi này. Một trong những yếu tố quan trọng là giới tính, khi các nghiên cứu chỉ ra rằng có sự khác biệt đáng kể về mức độ thực hiện hành vi bạo lực giữa học sinh nam và học sinh nữ [2]. Ngoài ra, đặc điểm giới tính cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hành vi bạo lực. Cụ thể, học sinh có xu hướng nóng nảy, hướng ngoại tiêu cực, linh hoạt, sôi nổi, hoặc thuộc nhóm bạn có tính cách tương tự thường có khả năng thực hiện hành vi bắt nạt cao hơn so với những học sinh có đặc điểm tính cách đối lập. Bên cạnh đó, một số yếu tố khác cũng góp phần làm gia tăng nguy cơ thực hiện hành vi bạo lực, bao gồm: chứng kiến bạo lực từ bạn bè, gia đình và những người ở xung quanh; thiếu tuân thủ quy định của trường học; kết quả học tập thấp; thường xuyên tiếp xúc với trò chơi điện tử có yếu tố bạo lực; có mối quan hệ kém với bạn bè; từng là nạn nhân của bạo lực; mang theo vũ khí cá nhân [9]. Mặc dù BLHĐ được nghiên cứu rộng rãi, hầu hết các nghiên cứu tập trung vào môi trường gia đình, đặc điểm tính cách hoặc các yếu tố xã hội khác, trong khi tác động của nhóm bạn đồng lứa vẫn chưa được khai thác đầy đủ. Quan hệ đồng lứa có vai trò quan trọng trong sự phát triển của học sinh, giúp rèn luyện kỹ năng xã hội, hỗ trợ học tập và tạo nền tảng tinh thần. Tuy nhiên, áp lực nhóm có thể thúc đẩy hành vi bạo lực khi tạo ra môi trường chấp nhận hoặc khuyến khích hành vi này. Ngoài ra, học sinh có thể gặp căng thẳng tâm lý khi bị từ chối, loại trừ hoặc trở thành nạn nhân của BLHĐ [10].

Nghiên cứu này áp dụng lý thuyết xã hội hóa để phân tích ảnh hưởng của môi trường nhóm bạn đồng lứa với các đặc điểm khác nhau đến việc tham gia các hình thức BLHĐ của học sinh THCS. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ một khảo sát với sự tham gia của 499 học sinh từ 3 Trường THCS trên địa bàn thành phố Huế, nơi có tình trạng BLHĐ gia tăng đáng kể trong những năm gần đây¹. Kết quả thực nghiệm của nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng các chương trình giáo dục nhằm tạo dựng môi trường học đường an toàn và tích cực.

2. LÝ THUYẾT

BLHĐ là các hành vi bạo lực xảy ra trong môi trường học đường hoặc do học sinh thực hiện, gây tổn thương về thể chất và tinh thần [5]. Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), BLHĐ gồm năm loại chính: (1) Bạo lực thể chất (xâm phạm thân thể); (2) Bạo lực tâm lý (lạm dụng lời nói, cô lập, đe dọa...); (3) Bạo lực tình dục (quấy rối, ép buộc...); (4) Bắt nạt trực tiếp (hành vi lặp lại nhằm vào một nạn nhân cụ thể); (5) Bắt nạt trực tuyến (đe dọa, quấy rối qua môi

¹ Xem chi tiết tại <https://cand.com.vn/giao-duc/de-xay-ra-nhieu-vu-bao-luc-hoc-duong-so-gd-dt-tinh-thua-thien-hue-noi-gi--i668500/>

trường số) [8]. Nghiên cứu này giới hạn BLHĐ trong quan hệ giữa học sinh với nhau, dựa trên phân loại của UNESCO để xây dựng công cụ đo lường.

Xã hội hóa là quá trình cá nhân hòa nhập vào cộng đồng bằng cách tiếp thu văn hóa và thực hiện các vai trò xã hội. Quá trình này chịu ảnh hưởng từ bốn môi trường chính: gia đình, trường học, nhóm bạn đồng lứa và truyền thông [1]. Nghiên cứu tập trung vào nhóm bạn đồng lứa, xem xét tác động của nó đến hành vi BLHĐ ở học sinh THCS. Nhóm bạn khác nhau có văn hóa riêng, ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi cá nhân. Khi nhóm chấp nhận hoặc khuyến khích bạo lực, cá nhân dễ tiếp thu và thực hiện hành vi bạo lực để hòa nhập.

Dựa vào lập luận trên, nghiên cứu này phát triển hai giả thuyết như sau:

- (1) Giả thuyết 1: Học sinh tham gia vào các nhóm bạn có xu hướng thực hiện các hành vi rủi ro có nguy cơ cao thực hiện các hình thức BLHĐ.
- (2) Giả thuyết 2: Học sinh tham gia vào các nhóm bạn có xu hướng hoạt động lành mạnh (định hướng học tập và tham gia các hoạt động thiện nguyện) có khả năng ít thực hiện các hình thức BLHĐ.

3. PHƯƠNG PHÁP

3.1. Dữ liệu và biến số

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu định lượng từ đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên Khoa học Huế thuộc Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế “*Nhận thức và hành vi liên quan đến bạo lực học đường của học sinh THCS thành phố Huế*”, được thực hiện trong năm 2024. Dữ liệu được thu thập thông qua một khảo sát với sự tham gia của 499 học sinh đến từ ba trường THCS trên địa bàn thành phố Huế, được lựa chọn bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Cụ thể, mẫu nghiên cứu bao gồm 162 học sinh từ Trường THCS Nguyễn Chí Diểu, 163 học sinh từ Trường THCS Chu Văn An và 166 học sinh từ Trường THCS Trần Cao Vân. Khảo sát được tiến hành thông qua phỏng vấn cấu trúc trực tiếp, sử dụng bảng hỏi làm công cụ thu thập thông tin. Bảng hỏi gồm các câu hỏi đo lường các biến số về hành vi BLHĐ, đặc điểm của nhóm bạn đồng lứa và các yếu tố nhân khẩu học của người trả lời.

Hành vi BLHĐ được đo lường qua 14 biến số, phản ánh các hình thức bạo lực thể chất, tinh thần, tình dục và qua mạng, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ. Nghiên cứu áp dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phép xoay Varimax để xác định cấu trúc hành vi BLHĐ. Kết quả (Bảng 1) cho thấy hệ số KMO = 0.946 (>0.5) và Sig. = 0.000 (<0.05), khẳng định dữ liệu phù hợp để thực hiện EFA. Phân tích nhân tố trích xuất hai nhóm chính: (1) hành vi bạo lực (gây tổn thương thể chất/tinh thần, có thể xảy

ra một hoặc nhiều lần) và (2) hành vi bắt nạt (có chủ đích, mang tính hệ thống, lặp đi lặp lại). Tất cả biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố >0.5 , đảm bảo tính phù hợp.

Bảng 1: Các loại hình bạo lực học đường (N = 499)

Biến/ Nhân tố	Hành vi bạo lực	Hành vi bắt nạt
Đánh/ đấm/ đá/ xô đẩy/ ném đồ vật bạn bè cùng lớp/ trường	0.763	-
Dứt tóc/túm áo bạn cùng lớp/ trường	0.637	-
Trấn lột/ phá hỏng đồ vật của bạn bè cùng lớp/ trường	0.685	-
Đe dọa/ nói xấu/ xúc phạm/ sỉ nhục/ bạn bè cùng lớp/ trường	0.823	-
Đặt biệt danh xấu cho bạn bè cùng lớp/trường	0.728	-
Nói chuyện với bạn bè cùng lớp/ trường với từ ngữ phản cảm	0.779	-
Nhốt/ trói bạn bè cùng lớp/ trường	-	0.679
Dùng lời nói để ép buộc/ đe dọa bạn bè cùng lớp/trường nghe lời mình	-	0.548
Kết bè phái nhằm xa lánh/ cô lập bạn bè cùng lớp/trường	-	0.566
Gửi hoặc tung những tin nhắn/ hình ảnh/ video bài viết trên mạng xã hội (MXH) nhằm gây tổn thương bạn bè cùng lớp/trường	-	0.684
Bêu xấu danh dự bạn bè cùng lớp/trường trên MXH	-	0.531
Ép bạn bè cùng lớp/ trường cởi áo quần	-	0.855
Động chạm vào các bộ phận nhạy cảm	-	0.747
% được giải thích	36.13	29.13
Hệ số Cronbach's alpha	0.894	0.911
Giá trị trung bình của biến số	1.7	1.4

Các đặc điểm của nhóm bạn đồng lứa được đo lường bằng 8 biến số, phản ánh mức độ tham gia vào nhóm có xu hướng rủi ro hoặc hoạt động lành mạnh, sử dụng thang đo Likert 4 mức. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phép xoay Varimax được áp dụng để xác định cấu trúc các nhóm bạn. Kết quả (Bảng 2) cho thấy hệ số KMO = 0.787 và p-value = 0.000, chứng tỏ mô hình có độ phù hợp cao. Hai nhóm nhân tố chính được trích xuất gồm: (1) nhóm bạn có xu hướng rủi ro và (2) nhóm bạn tham gia hoạt động lành mạnh, đóng vai trò là biến độc lập trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 2: Đặc điểm của các môi trường nhóm bạn đồng trang lứa (N = 499)

Biến/ Nhân tố	Nhóm bạn có xu hướng thực hiện hành vi rủi ro	Nhóm bạn có xu hướng tham gia hoạt động lành mạnh
Các nhóm bạn của tôi có xu hướng sử dụng rượu bia, thuốc lá	0.817	-
Các nhóm bạn của tôi có xu hướng thực hiện hành vi bạo lực	0.810	-
Các nhóm bạn có xu hướng thích tẩy chay/ cô lập người khác	0.795	-
Các nhóm bạn của tôi có xu hướng/ ưa thích trốn học	0.794	-
Các nhóm bạn của tôi có xu hướng/ thích chơi game online	0.547	-
Các nhóm bạn của tôi có xu hướng tích cực trong học tập...	-	0.932
Các nhóm bạn của tôi tích cực tham gia các các câu lạc bộ, đội nhóm	-	0.925
Các nhóm bạn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội	-	0.911
% được giải thích	35.93	33.62
Hệ số Cronbach's alpha	0.778	0.920
Giá trị trung bình của biến số	1.6	3.4

3.2. Phân tích dữ liệu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của đặc điểm nhóm bạn đồng lứa đến hành vi BLHĐ, với hai mô hình được xây dựng tương ứng với hai biến phụ thuộc: hành vi bạo lực và hành vi bắt nạt. Các biến độc lập chính gồm (1) nhóm bạn có xu hướng thực hiện hành vi rủi ro và (2) nhóm bạn có xu hướng tham gia hoạt động lành mạnh. Ngoài ra, nghiên cứu còn kiểm soát ảnh hưởng của một số biến số độc lập khác như (1) mối quan hệ với thầy cô, bạn bè và gia đình (được đo lường trên thang điểm từ 1 – Rất không tốt đến 5 – Rất tốt); và (2) các yếu tố nhân khẩu học, bao gồm giới tính (1 – Nam, 2 – Nữ, 3 – Khác), hoàn cảnh kinh tế gia đình (thang điểm từ 1 – Rất nghèo đến 10 – Rất giàu). Bên cạnh phân tích hồi quy, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phân tích

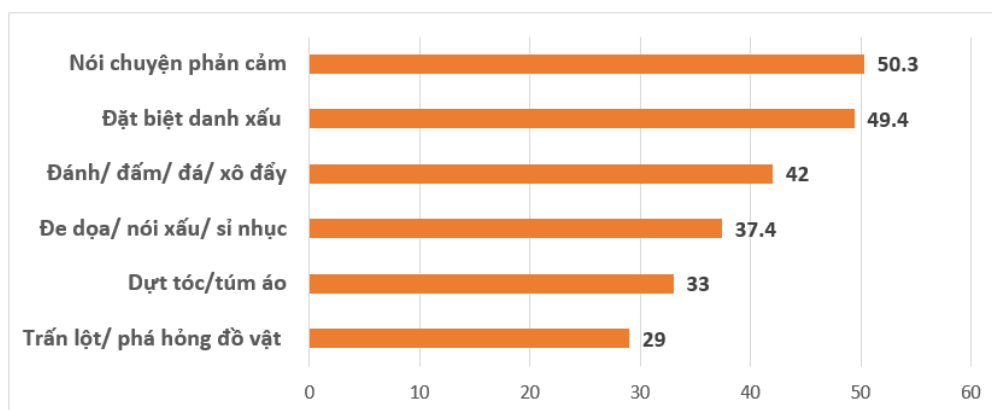
phương sai một chiều (one-way ANOVA) để mô tả xu hướng các hành vi BLHĐ mà học sinh đã tham gia.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Xu hướng thực hiện hành vi bạo lực học đường của học sinh THCS

Dựa vào kết quả phân tích khám phá từ dữ liệu khảo sát tại ba trường THCS, nhóm nghiên cứu đã xác định các hành vi bạo lực gồm: nói chuyện phản cảm; đặt biệt danh xấu; đánh/ đấm/ đá/ xô đẩy; đe dọa/ nói xấu/ sỉ nhục; dượt tóc/ túm áo; cũng như trấn lột/ phá hỏng đồ vật. Trong khi đó, hành vi bắt nạt được xác định với các biểu hiện như: kết bè phái nhằm cô lập; dùng lời nói để đe dọa; lan truyền tin tức bịa đặt; bôi xấu danh dự trên MXH; tung tin gây tổn thương trên MXH; động chạm vào bộ phận nhạy cảm; nhốt/ trói; ép cởi áo quần.

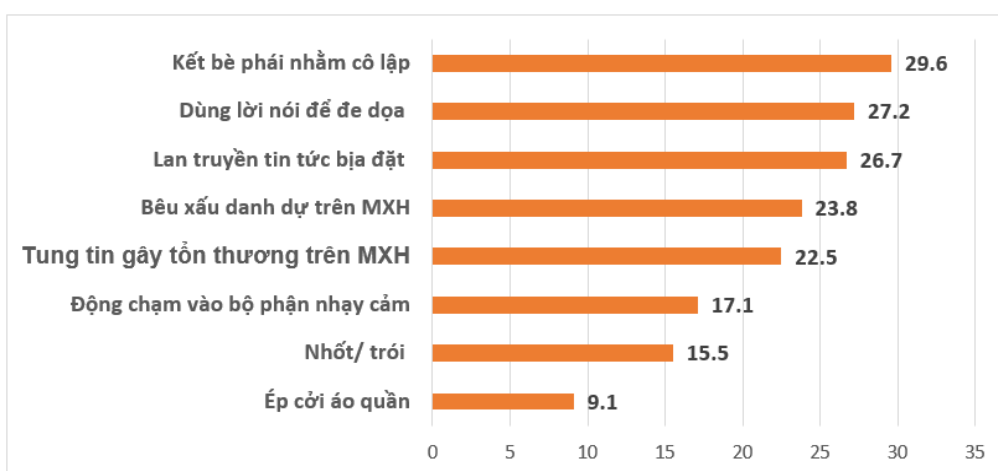
Hình 1 thể hiện tỷ lệ học sinh thực hiện các hành vi bạo lực, kết quả cho thấy mức độ phổ biến của các hành vi này với tỷ lệ dao động từ 29% đến 50,3%. Cụ thể, các hành vi liên quan đến ngôn từ và tâm lý chiếm tỷ lệ cao, với hành vi nói chuyện phản cảm là 50,3% và đặt biệt danh xấu chiếm 39,4%. Đây là hai hành vi phổ biến, dễ thực hiện và khó bị phát hiện trong môi trường học đường. Trong khi đó, các hành vi bạo lực thể chất trực tiếp chiếm – vốn khó thực hiện hơn và dễ bị phát hiện – có tỷ lệ thấp hơn, với hành vi đánh/ đấm/ đá/ xô đẩy chiếm 42% và giật tóc/ túm áo chiếm 33%. Hành vi trấn lột hoặc phá hỏng đồ vật có tỷ lệ thấp nhất trong nhóm này, ở mức 29%. Những số liệu trên phản ánh thực trạng đáng lo ngại trong môi trường giáo dục, nơi lẽ ra giá trị đạo đức và nhân cách học sinh cần được củng cố và phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, xu hướng gia tăng của bạo lực ngôn từ và tâm lý cho thấy đây là nhóm hành vi chiếm tỷ lệ cao nhất, với mức độ nghiêm trọng có thể tăng dần theo thời gian.



Hình 1: Tỷ lệ học sinh thực hiện các hành vi bạo lực (%)

Hình 2 thể hiện tỷ lệ học sinh thực hiện các hành vi bắt nạt, với mức độ phổ biến khác nhau, dao động từ 9,1% đến 29,6%. Các hành vi này không chỉ diễn ra trực

tiếp trong môi trường học đường mà còn xuất hiện trên không gian mạng. Cụ thể, hành vi phổ biến nhất là kết bè phái nhằm cô lập (29,6%), tiếp theo là các hành vi liên quan đến lời nói và không gian mạng, bao gồm dùng lời nói để đe dọa (27,2%), lan truyền tin tức bịa đặt (26,7%), bôi xấu danh dự trên MXH (23,8%) và tung tin gây tổn thương trên MXH (22,5%). Bên cạnh đó, các hành vi bắt nạt nghiêm trọng hơn, như động chạm vào bộ phận nhạy cảm (17,1%) và ép buộc cởi bỏ trang phục (9,1%), có tỷ lệ thấp hơn. Dữ liệu khảo sát cho thấy học sinh có xu hướng ít tham gia vào các hành vi bắt nạt nghiêm trọng hoặc vi phạm nghiêm trọng về đạo đức. Thay vào đó, các hành vi bắt nạt dễ thực hiện và khó bị phát hiện trong môi trường học đường, đặc biệt là bạo lực ngôn từ và bắt nạt qua mạng, lại chiếm tỷ lệ cao hơn.



Hình 2: Tỷ lệ học sinh thực hiện các hành vi bắt nạt (%)

Khảo sát được thực hiện tại ba trường THCS trên địa bàn thành phố Huế cho thấy rằng BLHD, dưới dạng hành vi bạo lực và bắt nạt, vẫn tồn tại và có thể tác động tiêu cực đến sự phát triển của học sinh. Kết quả phân tích cho thấy các hành vi bạo lực có xu hướng diễn ra phổ biến hơn so với hành vi bắt nạt. Bảng 3 thể hiện sự khác biệt về mức độ thực hiện các hình thức bạo lực giữa các trường THCS tham gia khảo sát. Đối với hành vi bạo lực, kết quả trung bình cho thấy học sinh trường THCS Nguyễn Chí Diểu và THCS Trần Cao Vân có xu hướng thực hiện các hành vi này nhiều hơn so với học sinh trường THCS Chu Văn An. Cụ thể, mức trung bình cao nhất được ghi nhận tại THCS Nguyễn Chí Diểu (1,83), tiếp theo là THCS Trần Cao Vân (1,78), và thấp nhất tại THCS Chu văn An (1,49). Kết quả kiểm định phương sai một chiều cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($F = 7,92, p < 0.001$). Phân tích hậu định Bonferroni cho thấy học sinh THCS Nguyễn Chí Diểu và THCS Trần Cao Vân thực hiện hành vi bạo lực nhiều hơn so với học sinh THCS Chu Văn An, tuy nhiên sự khác biệt giữa THCS Nguyễn Chí Diểu và THCS Trần Cao Vân không có ý nghĩa về mặt thống kê. Đối với hình thức bắt nạt, kết quả trung bình cũng phản ánh xu hướng tương tự, với mức cao nhất tại THCS Nguyễn Chí Diểu (1,41), tiếp theo là THCS Trần Cao Vân (1,40), và thấp

nhất tại THCS Chu Văn An (1,26). Tuy nhiên, kết quả kiểm định phương sai một chiều cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về hành vi bắt nạt giữa các trường.

Bảng 3: Sự khác biệt về thực hiện các hành vi bạo lực giữa các trường THCS được khảo sát

Hình thức	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	F	Bonferroni
	Nguyễn Chí Diểu		Trần Cao Vân		Chu Văn An			
Bạo lực	1,83	0,97	1,78	0,79	1,49	0,71	7,92***	NCD>CVA; TCV>CVA; NCD=TCV
Bắt nạt	1,41	0,73	1,4	0,64	1,26	0,53	2,72	NCD=TCV; NCD=CVA; TCV=CVA

*** $p < 0.001$, ** $p < 0.01$, * $p < 0.05$ (kiểm định hai chiều)

Những phát hiện trên cho thấy ảnh hưởng của môi trường xã hội hoá tại từng trường học, nơi học sinh có sự giao tiếp và tương tác với nhóm bạn, từ đó hình thành ý thức và hành vi. Kết quả nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng hành vi bạo lực là vấn đề cần được can thiệp đặc biệt ở một số trường học, trong khi hành vi bắt nạt là vấn đề chung cần được can thiệp giải quyết ở toàn bộ các trường. Sự khác biệt đáng kể giữa các trường có thể phản ánh sự khác biệt trong công tác quản lý học sinh, văn hóa trường học cũng như mức độ can thiệp của giáo viên vào quá trình phát triển hành vi của học sinh. Điều này gợi ý rằng các biện pháp phòng ngừa và can thiệp cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm của từng môi trường giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

4.2. Ảnh hưởng đặc điểm nhóm bạn đến bạo lực học đường

Bảng 4 trình bày kết quả hồi quy tuyến tính đa biến về các nhân tố ảnh hưởng đến BLHĐ của học sinh. Kiểm định F cho thấy cả hai mô hình đều có ý nghĩa thống kê ($F = 10.107$ và 7.137 , $\text{Sig.} = 0.000$), khẳng định mô hình phù hợp và các biến độc lập có tác động đáng kể. Hệ số R^2 hiệu chỉnh cho hành vi bạo lực là 0.183 và hành vi bắt nạt là 0.132 , điều này có nghĩa các biến độc lập lần lượt giải thích $18,3\%$ và $13,2\%$ sự biến thiên của hai hành vi này.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy đặc điểm nhóm bạn có ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện các hình thức BLHĐ của học sinh. Cụ thể, nhóm bạn có xu hướng

tham gia vào các hành vi rủi ro có mối liên hệ cùng chiều với cả hành vi bạo lực và hành vi bắt nạt, với mức ý nghĩa thống kê cao ($p < 0.001$). Kết quả này ủng hộ Giả thuyết 1, theo đó, học sinh càng tham gia vào môi trường xã hội hóa với nhóm bạn thiên về hành vi rủi ro thì nguy cơ tham gia BLHĐ càng cao. Điều này nhấn mạnh vai trò quan trọng của môi trường bạn bè quan trọng việc định hình hành vi của học sinh, đặc biệt khi các giá trị nhóm có ảnh hưởng mạnh đến quyết định của cá nhân. Ngược lại, nhóm bạn có xu hướng tham gia vào các hoạt động lành mạnh có mối liên hệ ngược chiều với hành vi bạo lực nhưng không có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên mối quan hệ này có ý nghĩa thống kê với hành vi bắt nạt ($p < 0.01$), cho thấy rằng nhóm bạn thiên về các hoạt động lành mạnh không có tác động đáng kể trong việc hạn chế hành vi bắt nạt. Kết quả này phần nào ủng hộ Giả thuyết 2, theo đó, học sinh càng tham gia vào nhóm bạn tích cực thì càng có xu hướng giảm thiểu các hành vi BLHĐ. Điều này cho thấy rằng việc tham gia hoạt động cùng nhóm bạn lành mạnh có thể là một yếu tố hỗ trợ quan trọng trong việc hạn chế những hành vi BLHĐ ở học sinh.

Bảng 4: Sự ảnh hưởng của đặc điểm nhóm bạn
đến thực hiện các hành vi bạo lực (N = 499)

Biến độc lập		Hành vi bạo lực	Hành vi bắt nạt
Đặc điểm nhóm bạn			
Nhóm bạn có xu hướng thực hiện hành vi rủi ro		0.560 (0.073)***	0.290 (0.058)***
Nhóm bạn có xu hướng tham gia các hoạt động lành mạnh		-0.047 (0.042)	-0.100 (0.033)**
Mối quan hệ			
Quan hệ với thầy cô		0.045 (0.049)	-0.033 (0.039)
Quan hệ với bạn bè		0.028 (0.045)	0.032 (0.036)
Quan hệ với gia đình		-0.153 (0.049)**	-0.068 (0.038)+
Yếu tố nhân khẩu học			
Giới tính nam (tham chiếu)	Giới tính nữ	-0.107 (0.074)	-0.104 (0.058)+
	Giới tính khác	0.522 (0.265)*	0.698 (0.206)***
Hoàn cảnh gia đình		-0.019 (0.022)	-0.023 (0.017)
Tình trạng sống với bố mẹ		0.060 (0.112)	-0.018 (0.087)
Trường NCD (tham chiếu)	Trường CVA	-0.278 (0.090)**	-0.092 (0.072)
	Trường TCV	-0.037 (0.090)	0.018 (0.071)

Constant	1.582 (0.309)***	1.766 (0.240)***
Hệ số R ² hiệu chỉnh	0.183	0.132
F statistic (Sig.)	10.107 (0.000)	7.137 (0.000)
N	499	499

Lưu ý: *** $p < 0.001$, ** $p < 0.01$, * $p < 0.05$, + $p < 0.1$ (kiểm định hai chiều). Lưu ý: Các đại lượng chính là hệ số hồi quy không chuẩn hóa và các đại lượng trong ngoặc đơn là sai số chuẩn. NCD: Nguyễn Chí Diểu; CVA: Chu Văn An; TCV: Trần Cao Vân.

Bên cạnh các đặc điểm nhóm bạn, nghiên cứu cũng phân tích tác động của các mối quan hệ xã hội và các yếu tố nhân khẩu học đến việc thực hiện các hình thức BLHĐ của học sinh. Kết quả trình bày trong Bảng 4 cho thấy rằng mối quan hệ xã hội với bạn bè và thầy cô không có ý nghĩa thống kê đối các hành vi bạo lực và hành vi bắt nạt. Tuy nhiên, mối quan hệ với gia đình có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến cả hai hình thức BLHĐ, với $p < 0.01$ đối với hành vi bạo lực và $p < 0.1$ đối với hành vi bắt nạt. Điều đáng chú ý là mối quan hệ này có tác động ngược chiều, tức là học sinh có mối quan hệ càng tốt với gia đình thì lại có xu hướng thực hiện các hành vi BLHĐ nhiều hơn. Một cách lý giải cho kết quả này là việc cha mẹ nuông chiều con cái quá mức có thể dẫn đến hành vi tiêu cực, bao gồm cả BLHĐ. Khi thiếu sự kiểm soát hợp lý từ gia đình, học sinh có thể phát triển xu hướng hành xử theo ý muốn cá nhân mà không cân nhắc đến tác động đối với người khác, từ đó gia tăng khả năng tham gia vào các hành vi bạo lực và bắt nạt trong môi trường học đường.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra mối quan hệ giữa giới tính và các hình thức BLHĐ. Cụ thể, học sinh nữ có xu hướng ít thực hiện các hành vi bắt nạt hơn học sinh nam, với mức ý nghĩa thống kê $p < 0.1$. Điều này có thể do nữ sinh thường kiểm soát cảm xúc tốt hơn và ít sử dụng bạo lực trực tiếp để giải quyết xung đột. Đáng chú ý, nhóm học sinh tự nhận có giới tính khác có xu hướng thực hiện hành vi bạo lực ($p < 0.05$) và hành vi bắt nạt ($p < 0.001$) cao hơn học sinh nam. Kết quả này có thể thấy phản ánh mức độ nhạy cảm về cảm xúc của nhóm học sinh này. Khi họ cảm thấy bị xúc phạm hoặc đối xử bất công, họ có thể có những phản ứng mạnh mẽ, bao gồm việc sử dụng bạo lực như một cách để bảo vệ bản thân. Ngoài ra, cảm giác bị phân biệt đối xử có thể làm gia tăng xu hướng tham gia các hành vi bạo lực nhằm phản kháng hay đòi quyền lợi. Kết quả hồi quy cũng phù hợp với phân tích phương sai một chiều được thảo luận trước đó, khi chỉ ra rằng yếu tố trường học có ảnh hưởng đến hành vi bạo lực của học sinh. Cụ thể, đối với hành vi bạo lực thể chất, học sinh trường THCS Chu Văn An có xu hướng tham gia ít hơn so với học sinh trường THCS Nguyễn Chí Diểu ($p < 0.01$). Điều này cho thấy sự khác biệt về môi trường giáo dục có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hành vi của học sinh.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích ảnh hưởng của môi trường xã hội hóa nhóm bạn hành vi BLHĐ của học sinh THCS. Kết quả cho thấy học sinh có xu hướng thực hiện hành vi bạo lực nhiều hơn hành vi bắt nạt, với mức độ khác biệt theo giới tính và giữa các trường được khảo sát. Đặc điểm nhóm bạn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hành vi BLHĐ. Cụ thể, nhóm bạn có xu hướng thiên về hành vi rủi ro làm gia tăng cả hành vi bạo lực và bắt nạt, trong khi việc tham gia vào nhóm bạn có hoạt động lành mạnh giúp giảm thiểu hành vi bạo lực.

Kết quả nghiên cứu mở những hướng nghiên cứu trong tương lai nhằm hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa gia đình và hành vi bạo lực, đặc biệt là lý do học sinh có mối quan hệ tốt với gia đình vẫn có xu hướng thực hiện BLHĐ. Ngoài ra, xu hướng bạo lực cao hơn ở nhóm học sinh có giới tính khác so với học sinh nam cũng cần được phân tích sâu để xác định nguyên nhân và yếu tố tác động. Bên cạnh đó, việc xác định các yếu tố trong môi trường trường học có mối liên quan với BLHĐ là một hướng nghiên cứu quan trọng, cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây các mô hình trường học an toàn, nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa BLHĐ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Macionis (2004). *Xã hội học*. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Thị Mỹ Linh (2023), *Năng lực xây dựng các quan hệ xã hội của học sinh trung học phổ thông: Thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 - 2023, trường Đại học Sư Phạm Hà Nội. DOI: 10.56794/KHXHVN.10(190).100-109.
- [3]. Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Thị Hồng Vân, Bùi Minh Đức, Đỗ Kim Ngọc (2020). Hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Tâm lý học*, Số 6. Tr 85 – 97.
- [4]. Salmivalli, C., Lagerspetz, K., Björkqvist, K., Österman, K., & Kaukiainen, A. (1996). "Bullying as a Group Process: Participant Roles and Their Relations to Social Status within the Group". *Aggressive Behavior*.
- [5]. Trần Thị Tú Anh, (2012). Hành vi bạo lực học đường của học sinh trung học cơ sở Thành phố Huế, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Tâm lý học đường lần thứ 3 "Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động Tâm lý học đường"*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Trần Văn Công, Nguyễn Phương Hồng Ngọc, Lê Thị Thanh Thủy, Phạm Ngọc Linh (2019). Trải nghiệm bị bắt nạt và mối quan hệ của nó với vấn đề hướng nội và vấn đề hướng ngoại ở thanh thiếu niên. *Tạp chí Tâm lý học*, Số 9. Tr. 16 - 28.
- [7]. UNESCO. (2019). *"Behind the numbers: Ending school violence and bullying"*. Paris.
- [8]. UNESCO (2020). What you need to know about school violence and bullying, Website: <https://en.unesco.org/news/what-youneed-know-about-school-violence-and-bullying>.

- [9]. Vũ Thị Hậu và cộng sự (2022), Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện hành vi bạo lực học đường của học sinh Trung học Phổ thông Lương Tài 1, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh năm học 2020 – 2021, *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển*, Tập 06, Số 01 - 2022.
- [10]. Salmivalli, C., Lagerspetz, K., Björkqvist, K., Österman, K., & Kaukiainen, A. (1996). "Bullying as a Group Process: Participant Roles and Their Relations to Social Status within the Group". *Aggressive Behavior*.

THE RELATIONSHIP BETWEEN PEER GROUPS AND SCHOOL VIOLENCE IN LOWER SECONDARY SCHOOLS

Nguyen Huu An, Nguyen Dang Minh Nhat, Tran Le Khanh Nhi,
Nguyen Thi Ngoc Oanh*, Phan Thi Hong Phuc, Pham Thi Thuy Suong,
Ho Thi My Uyen, Hoang Phan Tuyen Nhi

University of Sciences, Hue University

* Email: ngocoanh.nguyenn04@gmail.com

ABSTRACT

By applying socialization theory, this study analyzes the influence of peer group environments on school violence among lower secondary school students. Data were collected from a survey of 499 students across three lower secondary schools in Hue City and analyzed using descriptive statistics, one-way ANOVA, factor analysis, and linear regression models. The findings indicate that students are more likely to engage in violent behavior than in bullying, with significant differences observed among the schools surveyed. Furthermore, students who participate in peer groups with risky behavioral tendencies have a higher likelihood of engaging in violence and bullying. In contrast, being part of peer groups that promote positive activities helps reduce violent behaviors.

Keywords: Bullying, peer groups, school violence, socialization, violent behaviors.



Nguyễn Hữu An sinh năm 1988 tại Quảng Bình. Năm 2010, ông tốt nghiệp Cử nhân Xã hội học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Thạc sĩ Xã hội học tại Đại học Warsaw (Ba Lan) năm 2016. Ông làm nghiên cứu sinh tốt nghiệp Tiến sĩ Xã hội học tại Đại học Warsaw năm 2023. Ông hiện đang công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vốn xã hội, di cư, sự tham gia công dân, xã hội học chính trị.



Nguyễn Đăng Minh Nhật sinh năm 2007 tại Thừa Thiên Huế. Hiện tại cô đang là học sinh Trường THPT chuyên Khoa học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: nhận thức và hành vi.



Trần Lê Khánh Nhi sinh năm 2007 tại Thừa Thiên Huế. Hiện tại cô đang là học sinh Trường THPT chuyên Khoa học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: nhận thức và hành vi.



Nguyễn Thị Ngọc Oanh sinh năm 2003 tại Quảng Bình. Hiện tại cô đang là sinh viên năm cuối Ngành Xã hội học, Khoa XHH và CTXH, Trường ĐHKH, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: phát triển bền vững, lịch chuẩn, giới.



Phan Thị Hồng Phúc sinh năm 2001 tại Thành phố Huế. Cô tốt nghiệp cử nhân ngành Văn học, Khoa Ngữ Văn, Trường ĐHKH, Đại học Huế năm 2023, tốt nghiệp cử nhân ngành Xã hội học, Khoa XHH và CTXH, Trường ĐHKH, Đại học Huế năm 2024. Hiện nay, cô đang công tác tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển xã hội (CSRD) tại Thành phố Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: phát triển, phát triển bền vững, giáo dục và văn hoá.



Phạm Thị Thuý Sương sinh năm 1994 tại Quảng Trị. Sương tốt nghiệp cử nhân ngành Triết học, khoa Lý Luận Chính trị tại Đại học Khoa học Huế; tốt nghiệp thạc sĩ ngành Triết học, khoa Lý Luận chính trị tại Đại học Khoa học Huế. Hiện Phạm Thị Thuý Sương đang công tác tại trường THPT chuyên Khoa học Huế, Đại học Khoa học.



Hồ Thị Mỹ Uyên sinh năm 2005 tại Thừa Thiên Huế. Hiện Uyên đang là sinh viên năm 2 ngành XHH, khoa XHH & CTXH, trường ĐHKH, Đại học Huế. Hồ Thị Mỹ Uyên quan tâm đến các lĩnh vực nghiên cứu về các vấn đề xã hội đương đại.



Hoàng Phan Tuyết Nhi sinh năm 2005 tại Đà Nẵng. Nhi hiện tại đang là sinh viên năm 2 Ngành Xã hội học, Khoa XHH và CTXH, Trường ĐHKH, Đại học Huế. Hoàng Phan Tuyết Nhi quan tâm đến các lĩnh vực nghiên cứu về tội phạm.